

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 303/GCNĐKĐT-KCN ngày 03/6/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9881550670, chứng nhận lần đầu ngày 03/6/2024;

Xét Công văn số 08/CV đề ngày 05/8/2024 và Công văn số 09/CV đề ngày 12/8/2024 của Công ty TNHH May mặc Hưng Fung (Việt Nam) về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy may trang phục Việt Nam”, kèm hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nộp bổ sung ngày 15/8/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 277/TTr-STNMT ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH May mặc Hưng Fung (Việt Nam), có địa chỉ tại Lô C21-C24, Khu công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy may trang phục Việt Nam” tại Khu công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy may trang phục Việt Nam”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C21, C22, C23, C24, Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 6001772899 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/6/2024.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9881550670, chứng nhận lần đầu ngày 03/6/2024 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.5. Mã số thuế: 6001772899.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh: May trang phục (Trừ trang phục từ da lông thú).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích: 49.597,5 m² (Dự án đã được Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú ký Hợp đồng thuê lại đất số 02/2024/HĐ-TLĐ ngày 14/6/2024). Trong đó: Diện tích đất xây dựng các công trình là 31.501,2 m² (Gồm: diện tích công trình chính là 27.016 m²; diện tích công trình phụ trợ là 4.445,6 m²; diện tích công trình bảo vệ môi trường là 39,6 m²); diện tích hạ tầng kỹ thuật là 8.168 m²; diện tích đất cây xanh là 9.927,8 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: 15.600.000 cái/năm (Không có công đoạn nhuộm trong quy trình sản xuất; không may trang phục từ da lông thú).

- Quy trình sản xuất: Nhận đơn đặt hàng → Xác nhận đơn hàng → Chuẩn bị điều kiện để sản xuất → Tạo mẫu → Trái vải → Tách vải → Cắt vải → May → Kiểm tra → Ủi → Kiểm tra sản phẩm và gắn nhãn mác → Dò kim → Đóng gói → Nhập kho → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May mặc Hung Fung (Việt Nam):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May mặc Hung Fung (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Công ty PTHT Khu công nghiệp Hòa Phú nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - Ban Quản lý các KCN tỉnh;
 - UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
 - Trung tâm PVHCC tỉnh;
 - TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
 - Công ty PTHT Khu công nghiệp Hòa Phú;
 - Công ty TNHH May mặc Hung Fung (Việt Nam)
- (Đ/c: Lô C21-C24, KCN Hòa Phú, tpBMT, Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Nước thải sinh hoạt sau xử lý nội bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú để xử lý, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH May mặc Hưng Fung (Việt Nam) đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp với Công ty PTHT Khu công nghiệp Hòa Phú (Tại Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng ngày 14/6/2024 với Công ty PTHT Khu công nghiệp Hòa Phú).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh của xưởng sản xuất, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà bảo vệ (Khoảng 62,76 m³/ngày đêm) được thu gom, xử lý sơ bộ qua 09 bể tự hoại 5 ngăn (Tổng dung tích là 136 m³), sau đó theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án → theo đường ống HDPE D250 mm dẫn về Hố thu GT10-1 trên trục đường CN10 để đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú.

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nữ số 01 tại xưởng sản xuất, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 25 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về hố ga thu gom số 01 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nam tại xưởng sản xuất, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 25 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về hố ga thu gom số 02 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của khách tại xưởng sản xuất, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 10 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC

D200 mm dẫn về hố ga thu gom số 03 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nữ số 02 tại xưởng sản xuất, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 25 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về hố ga thu gom số 04 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh chung tại nhà nghỉ giữa ca, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 10 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về hố ga thu gom số 05 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh chung của nhà ăn, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 25 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về hố ga thu gom số 06 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của nhà bảo vệ số 01, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 04 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D100 mm dẫn về hố ga thu gom số 07 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bảo vệ số 02, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 04 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D100 mm dẫn về hố ga thu gom số 08 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

+ Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bảo vệ số 03, được thu gom theo đường ống PVC D100 mm dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (dung tích 04 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D100 mm dẫn về hố ga thu gom số 09 → theo hệ thống thu gom nội bộ dẫn về hố ga kiểm tra trong khu vực dự án.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°): X: 439322; Y: 1393066.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh → Bể tự hoại 05 ngăn (BASTAF) → Hố ga thu gom nước thải của từng bể tự hoại → Hố ga kiểm tra (trong khu vực dự án) → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú (Điểm đầu nối nước thải là Hố thu GT10-1 trên trục đường CN10).

- Vị trí, thông số kỹ thuật của bể tự hoại: Xây 09 bể tự hoại 5 ngăn có tổng dung tích là 136 m³.

+ Bố trí 04 bể tự hoại tại 04 khu vực nhà vệ sinh của xưởng sản xuất (Trong đó: 03 bể có dung tích là 25 m³/bể; 01 bể có dung tích là 10 m³/bể).

+ Bố trí 01 bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh của nhà nghỉ giữa ca (Dung tích là 10 m³/bể).

+ Bố trí 01 bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh của nhà ăn (Dung tích là 25 m³/bể).

+ Bố trí 03 bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh của 03 nhà bảo vệ (Dung tích là 04 m³/bể).

- Bùn thải từ bể tự hoại: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (06 tháng/lần).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Dự án theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án sau khi xử lý nội bộ đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải theo quy định của Khu công nghiệp Hòa Phú (QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B) và tuân thủ các quy định về đầu nổi nước thải tại Khu công nghiệp Hòa Phú; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình vận hành công trình xử lý nước thải của dự án.

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị và các hạng mục công trình thu gom, xử lý nước thải để có biện pháp sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tổ chức quan trắc, phân tích mẫu nước thải sau các công trình xử lý để chủ động giám sát chất lượng nước thải trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga thu gom nước thải sau xử lý của các công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất lượng nước thải phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú (QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
01	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
02	pH	-	5,5 - 9	
03	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	
04	COD	mg/l	150	
05	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
06	Tổng photpho	mg/l	6	
07	Tổng nitơ	mg/l	40	
08	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
09	Sunfua	mg/l	0,5	
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000	

- Khuyến khích Chủ dự án thực hiện quan trắc định kỳ đối với các thông số ô nhiễm tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát công trình xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú.

2.2.3. Tần suất quan trắc:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình vận hành các công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty TNHH May mặc Hung Fung (Việt Nam) chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối hạ tầng kỹ thuật theo quy định của Khu công

ngiệp Hòa Phú; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 01 (công suất 1.500 kVA).
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 02 (công suất 1.500 kVA).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải và phương thức xả thải:

2.1. Vị trí xả khí thải của Dự án: Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Dòng khí thải số 01 (Tương ứng với nguồn số 01): Ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 439519; Y = 1393213.

- Dòng khí thải số 02 (Tương ứng với nguồn số 02): Ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 439528; Y = 1393213.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (Khi máy phát điện dự phòng hoạt động):

- Dòng khí thải số 01: 6.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 6.500 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả thải: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải của máy phát điện.

2.4. Chế độ xả thải: Xả thải gián đoạn (Chỉ xả thải khi máy phát điện dự phòng vận hành).

3. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường không khí:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng (Được lắp đặt tại khu vực riêng biệt) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng. Lắp đặt hệ thống làm mát nhà xưởng gồm có quạt hút công nghiệp kết hợp tấm làm mát cooling pad dạng tổ ong.

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom cục bộ tại nhà xưởng, không để ảnh hưởng ra ngoài.

+ Đối với máy cắt vải tự động Lectra có thiết kế kèm theo 01 ống lọc bụi dạng túi vải bên trong máy cắt để thu gom bụi, trong quá trình cắt vải trên mặt bàn sẽ được quạt hút thu gom vào túi vải bên trong máy cắt. Định kỳ công nhân sẽ tháo ống lọc dạng túi vải bên trong máy để vệ sinh, đảm bảo khả năng lọc bụi.

+ Đối với máy cắt vải Kuris có thiết kế kèm theo 01 tấm lọc bụi bên trong máy cắt. Bụi trong quá trình cắt vải sẽ được thu gom, dẫn về đường ống dẫn bên trong máy cắt và được lọc qua tấm lọc bụi, bụi được giữ lại bên trên tấm lọc. Định kỳ công nhân sẽ tháo tấm lọc bụi bên trong máy để vệ sinh, đảm bảo khả năng chắn bụi của tấm lọc. Ngoài ra, máy cắt vải Kuris còn có ống tiêu âm, thoát nhiệt thừa giúp hạn chế tiếng ồn cũng như giúp tản nhiệt các thiết bị trong máy mỗi khi máy hoạt động.

+ Tại mỗi máy may có trang bị một túi lọc bụi nhỏ phía dưới bàn để thu bụi. Cuối ngày làm việc, công nhân sẽ thu gom bụi vào các thùng chứa chất thải rắn thông thường đặt tại khu vực xưởng sản xuất.

- Định kỳ quét dọn, vệ sinh nhà xưởng; thu gom bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất và đem đi xử lý theo quy định.

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong tại khu vực riêng; khí thải thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải lắp đặt tại mỗi máy phát điện (ống thải cao 3 m, đường kính 0,2 m).

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị thu gom bụi; dự phòng máy móc, thiết bị để thay thế khi các thiết bị thu hồi bụi hỏng hóc. Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Thực hiện nghiêm các nội quy về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

- Trang bị khẩu trang, đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo đúng quy định.

- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy (chiếm 20,02 % diện tích đất); xây tường gạch cao 2 m bao quanh nhà máy để giảm phát tán bụi, khí thải ra môi trường.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường đảm bảo quy định và phù hợp với hoạt động sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức đo kiểm môi trường, khám bệnh nghề nghiệp cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2. Định kỳ kiểm tra thiết bị, theo dõi quá trình hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2.3. Đối với các nguồn phát sinh bụi, khí thải khác (Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà xưởng, bảo vệ, nhà ăn và nhà nghỉ của ông nhân; khu vực lưu chứa nguyên liệu, thành phẩm; khu vực lưu chứa tạm thời chất thải ...) phải được kiểm soát; đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí và các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của các thông tin, số liệu và các nguồn thải đề nghị cấp phép.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại khu vực nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại khu vực nhà xưởng cắt mở rộng.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 439492; Y = 1393115.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 439498; Y = 1393053.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X = 439426; Y = 1393214.
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện: X = 439538; Y = 1393214.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực Thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực Thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Lắp đặt thiết bị, máy móc theo đúng thiết kế; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết mau mòn; đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp thiết bị, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết và thường kỳ cho bôi trơn dầu vào máy móc. Lắp đặt các tấm đệm cao su hoặc xốp cho các thiết bị để giảm chấn động trong quá trình hoạt động.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
01	Chất thải lây nhiễm (tại phòng sơ cứu y tế của Nhà máy)	13 01 01	10
02	Hộp chứa mực in thải (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	08 02 04	10
03	Các loại dầu động cơ, hộp số và trôi trơn thải khác	17 02 04	30
04	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	24
05	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 02) có các linh kiện điện tử (bóng đèn Led)	16 01 13	30
Tổng khối lượng			104

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
01	Sản phẩm lỗi	33.490
02	Vải vụn, vải thừa, bụi vải thu gom từ máy cắt, máy may, dây thun, dây đai hỏng	102.000
03	Các phụ kiện hỏng, chỉ và ông chỉ thừa, dây kéo, khóa lỗi ...	2.951
04	Giấy vụn, bao bì, thùng carton, ruột băng keo ...	2.027
05	Móc treo nhựa, nút hư hỏng	145
Tổng khối lượng		140.613

Ngoài ra, qua trình hoạt động của Dự án còn phát sinh lượng bụi vải (thu gom từ xưởng sản xuất); lượng bùn thải thu gom từ 09 bể tự hoại (khoảng 90 m³/năm); bùn thải nạo vét tại các hố ga thu gom nước mưa và cành, lá cây thu dọn từ quá trình cắt tỉa cây xanh trong khuôn viên dự án.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.625 kg/ngày được thu gom và phân loại theo quy định, gồm có: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...) và chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 08 thùng chứa có nắp đậy loại 60 lít để lưu chứa tạm thời CTNH, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát; có dán nhãn đối với từng loại chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa tạm thời CTNH:

- Bố trí 01 kho chứa có diện tích 19,8 m² (Kích thước: 4,4 m x 4,5 m).

- Kho lưu chứa CTNH được xây dựng đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật; tường xây bằng gạch, nền bê tông chống thấm, lợp mái tôn; có bố trí hệ thống rãnh, hố thu gom chất thải lỏng rơi vãi; có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải (bao Jumbo, thùng carton) đặt tại xưởng sản xuất, khu vực hành lang chung; sau đó chất thải sẽ được vận chuyển về kho lưu chứa tạm chất thải rắn công nghiệp. Định kỳ (02 lần/tuần) hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải nạo vét từ các hố ga thu gom nước mưa: Định kỳ (06 tháng/lần) hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 kho lưu chứa có diện tích 19,8 m² (Kích thước: 4,4 m x 4,5 m). Khu vực chứa chất thải đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của Dự án.

- Kho được xây kín bằng gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại và lưu chứa vào các thùng chứa.

- Trang bị 20 thùng chứa có nắp đậy loại 60 lít đặt tại khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn, nhà nghỉ của công nhân, khu vực vệ sinh của xưởng sản xuất.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Chất thải có khả năng tái chế sẽ được chuyển về lưu chứa vào thùng chứa có nắp đậy loại 240 lít đặt tại kho chứa chất thải công nghiệp thông thường; sau đó bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải không có khả năng tái chế sẽ được chuyển về lưu chứa trong 05 thùng chứa có nắp đậy loại 240 lít đặt khu vực lưu chứa tạm thời chất thải sinh hoạt của Dự án (gần cổng phụ phía đường CN11). Hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường của địa phương định kỳ hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May mặc Hưng Fung (Việt Nam) có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông trong và ngoài Khu công nghiệp; các quy định về an toàn điện, an toàn thực phẩm, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án, Công ty TNHH May mặc Hưng Fung (Việt Nam) phải tổ chức thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề cập trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp để hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan; đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tiêu thoát nước trong quá trình thực hiện Dự án.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Công ty TNHH May mặc Hung Fung (Việt Nam) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực của các thông tin, số liệu và các kết quả tính toán về môi trường trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường hoặc vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.